

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
**TRƯỜNG THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA**  
Số: 78 /KH-THCSTĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
An Thạnh, ngày 12 tháng 10 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường**  
**Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT**

Căn cứ theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ công văn số 1629/SGDĐT-GDTrHTX ngày 20/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 273/PGDĐT ngày 23 tháng 09 năm 2021 của phòng Giáo dục Đào tạo thành phố Thuận An về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bậc THCS năm học 2021-2022;;

Trường THCS Trần Đại Nghĩa xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT như sau:

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

Mục đích: Thực hiện công khai cơ sở giáo dục trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu: Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI**

Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; Phó Hiệu trưởng làm Phó trưởng ban; Tổ trưởng các tổ; đứng đầu các tổ chức đoàn thể là các ủy viên của Ban chỉ đạo;

Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường ngay từ đầu năm học;

Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trường, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, thống kê chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai thu, chi tài chính; Đồng thời phải đảm bảo thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường; trên trang thông tin điện tử của nhà trường và công khai tại đơn vị.



### III. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

#### 1. Các nội dung công khai

##### 1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục; điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tiếp tục của học sinh (theo biểu mẫu 9).

b. Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS (theo biểu mẫu 10).

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục: Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục.

##### 1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp ( thực hiện theo biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (thực hiện theo biểu mẫu 12).

##### 1.3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính “ Thông tư hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”.

###### a. Ngân sách nhà nước cấp:

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

b. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính.

#### 2. Về hình thức và thời điểm công khai



Niêm yết công khai tại bảng thông báo và trang thông tin điện tử của nhà trường.

Thời điểm công bố là đầu năm học (tháng 9), hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan;

Đối với nội dung các khoản thu từ học sinh trong năm học, phổ biến trong các cuộc họp cha mẹ học sinh.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo Quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý;

Phó hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm về nội dung 1, 2 (công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai cơ sở vật chất, tình hình đội ngũ giáo viên);

Kế toán phụ trách công khai các khoản thu chi về tài chính( nội dung 3);

Trên đây là kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022 của trường THCS Trần Đại Nghĩa. Trong quá trình thực hiện lãnh đạo nhà trường sẽ có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

- Nơi nhận :
- Phòng GDĐT;
  - Lưu: VT;
  - Niêm yết.

**HIỆU TRƯỞNG**  
 TRƯỜNG  
 TRUNG HỌC  
 CƠ SỞ  
 TRẦN ĐẠI NGHĨA

*[Signature]*

**Trần Thụy Hưng Hào**

*[Circular stamp: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN]*

**DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG GIÁO DỤC THÀNH PHỐ THUẬN AN**

*Thông nhất*  
 Thuận An, ngày 21/10/2021  
 K.T. **TRƯƠNG PHONG**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*[Signature]*

**Võ Anh Tuấn**

*[Circular stamp: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN]*



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN.  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN ĐẠI NGHĨA  
THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	- Trẻ em đúng 11 đến 13 tuổi thuộc địa bàn Thành phố Thuận An - Hoàn thành CT bậc Tiểu học - Số lớp: 4 lớp với 121 học sinh	- Không tiếp nhận chuyển trường từ nơi khác đến khi chưa có chỉ đạo cấp trên  - Số lớp: 4 lớp với 120 hs	- Số lớp: 3 lớp với 90 hs	- Số lớp: 4 lớp với 118 hs
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ</b>	- Thực hiện theo CV 7608/BGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2009 ban hành khung chương trình THCS (37 tuần), Công văn 4040/BGDĐT-GDTrH thay thế công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH (năm 2020) của Bộ GDĐT về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.			
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</b>	- Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình qua điện thoại, số liên lạc, các cuộc họp... - Hoạt động của Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.			
	<b>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... - Tích cực, siêng năng, chuyên cần, nghiêm túc. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong học tập, rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	- Học sinh được đi tham quan về nguồn kết hợp với học tập dã ngoại ít nhất 1 lần/năm học (tháng 3). - Học sinh được tham gia các phong trào văn nghệ, câu lạc bộ Mỹ thuật, câu lạc bộ thể dục thể thao, rèn luyện thể chất nhằm tăng cường sức khỏe đồng thời phát triển tốt những năng khiếu của bản thân. - Tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện xã hội để cảm nhận và hoàn thiện tư cách phẩm chất.			
V	<b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của</b>	- Về năng lực, phẩm chất: 100% đạt từ khá trở lên, không có học sinh xếp loại Trung bình về hạnh kiểm. Biết thông cảm, chia sẻ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trên kính dưới nhường. Không nói tục trong và ngoài trường. Ngoan ngoãn vâng lời cha mẹ và thầy cô. - Sức khỏe: 99 % học sinh có sức khỏe tốt. Giáo dục học sinh bảo vệ sức			



	<b>học sinh dự kiến đạt được</b>	khỏe răng miệng, mắt, vệ sinh phòng chống dịch bệnh .... - Kết quả học tập: Giỏi 89% - Khá 10.8% - TB 0.2%			
<b>VI</b>	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	100% lên lớp	100% lên lớp	100% lên lớp	100 % CN TNTHCS

An Thạnh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



*Trần Chuy Hưng Kào*





PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN ĐẠI NGHĨA  
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường  
trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>445</b>	<b>121</b>	<b>92</b>	<b>119</b>	<b>113</b>
1	<b>Tốt</b> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>445</b> <b>(100%)</b>	<b>121</b> <b>(100%)</b>	<b>92</b> <b>(100%)</b>	<b>119</b> <b>(100%)</b>	<b>113</b> <b>(100%)</b>
2	<b>Khá</b> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3	<b>Trung bình</b> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4	<b>Yếu</b> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>445</b>	<b>121</b>	<b>92</b>	<b>119</b>	<b>113</b>
1	<b>Giỏi</b> (tỷ lệ so với tổng số)	396 (89%)	115 (95.04)	89 (96.74)	96 (80.67)	96 (84.96)
2	<b>Khá</b> (tỷ lệ so với tổng số)	48 (10.8)	5 (4.1)	3 (3.2)	23 (19.3)	17 (15)
3	<b>Trung bình</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	1 (0.2%)	0	0	0
4	<b>Yếu</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	<b>Kém</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>445</b>	<b>121</b>	<b>92</b>	<b>119</b>	<b>113</b>
1	<b>Lên lớp</b> (tỷ lệ so với tổng số)	445 (100%)	121 (100%)	92(100 %)	119 (100%)	113 (100%)
a	<b>Học sinh giỏi</b> (tỷ lệ so với tổng số)	396 (89%)	115 (95.04)	89 (96.74)	96 (80.67)	96 (84.96)
b	<b>Học sinh tiên tiến</b> (tỷ lệ so với tổng số)	48 (10.8)	5 (4.1)	3 (3.2)	23 (19.3)	17 (15)
2	<b>Thi lại</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	<b>Lưu ban</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	<b>Chuyển trường đến/đi</b> (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	2	1	0
5	<b>Bị đuổi học</b> (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	<b>Bỏ học</b> (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>46</b>
1	Cấp Huyện/Thị	10	0	0	6	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	41	0	0	0	41
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1	0	0	0	1



V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp						113
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp						113
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)						96 (84.96%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)						17 (15%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)						0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)						
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	445/256	121/69	92/46	119/67	113/74	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	

An Thạnh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



*Trần Chuy Hưng Khắc*





**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,**  
**năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	16	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	16	1.6
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	1
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.6
8	Bình quân học sinh/lớp	29	1.6
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	10096	25
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	5062	13
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	768	1.9
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	400	1
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	105	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng khác (...)(m <sup>2</sup> )		
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>16</b>	
<b>1</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định</b>		
1.1	Khối lớp 6	4	0.03
1.2	Khối lớp 7	4	0.03
1.3	Khối lớp 8	4	0.04
1.4	Khối lớp 9	4	0.04
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	





2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
4	.....		
VIII	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	65	0.15

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	2	
6	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2/3		184/253
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

An Thạnh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



*Trần Thụy Lương Thảo*



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN ĐẠI NGHĨA

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>40</b>		<b>1</b>								<b>25</b>	<b>13</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>31</b>		<b>0</b>	<b>28</b>	<b>3</b>			<b>9</b>	<b>21</b>	<b>1</b>	<b>25</b>	<b>13</b>		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	5			4	1			1	4		4	1		
2	Lý	2			2					2		1	1		
3	Hóa	3			3				1	1		2			
4	Sinh	2			2					2			1		
5	KTNN	2			2				1	1		1	1		
6	Tiếng Anh	3			2	1			2	2		2	1		
7	Văn	5			5				1	4		5			
8	Sử	1			1					1			1		
9	Tiếng Nhật	0				0									
10	Địa	2			2				1	1		1	1		
11	GDCD	1				1			1			1	1		
12	Thể dục	2			2					2		1	1		
13	Nhạc	1			1					1		1			
14	Mỹ thuật	1			1					1		1			
15	Tin học	1			1					1		1			
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>									1	1	1			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>			<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			<b>7</b>		
1	Nhân viên văn thư	1					1						1		
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế												1		
5	Nhân viên thư viện	1			1					1			1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1			1				1		
7	Nhân viên hỗ trợ người														





8	khuyết tật													
	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Nhân viên bảo vệ	1						1						
10	Nhân viên Phục vụ	1						1						
11	Tổng phụ trách Đội	1				1			1			1		
12														

An Thạnh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Chủ tịch đơn vị



*(Handwritten signature)*

*Trần Chuy Hưng Kào*



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Công tác công khai theo Thông tư 32/2019/TT-BGDĐT của trường THCS Trần Đại Nghĩa năm học 2021-2022 gồm các ông, bà có tên sau:

- |     |                          |                    |                       |
|-----|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1.  | Bà Trần Thị Hồng Liên    | Chủ tịch           | Trần Thị Hồng Liên    |
| 2.  | Ông Phan Hữu Thuận       | Trưởng Ban chỉ đạo | Phan Hữu Thuận        |
| 3.  | Ông Nguyễn Văn Văn Y     | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Văn Văn Y      |
| 4.  | Bà Nguyễn Thị Thanh Liên | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Thị Thanh Liên |
| 5.  | Bà Nguyễn Thị Tố Nga     | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Thị Tố Nga     |
| 6.  | Bà Lê Thị Kiều Loan      | Trưởng Ban chỉ đạo | Lê Thị Kiều Loan      |
| 7.  | Ông Nguyễn Thành Vương   | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Thành Vương    |
| 8.  | Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    |
| 9.  | Bà Vũ Phương Minh        | Trưởng Ban chỉ đạo | Wu Phuong Minh        |
| 10. | Ông Nguyễn Văn Hòa       | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Văn Hòa        |
| 11. | Bà Nguyễn Thị Kiều Loan  | Trưởng Ban chỉ đạo | Nguyễn Thị Kiều Loan  |

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Công tác công khai theo Thông tư 32/2019/TT-BGDĐT của trường THCS Trần Đại Nghĩa năm học 2021-2022 có trách nhiệm tổ chức, quản lý, giám sát, đánh giá công tác công khai theo Thông tư 32/2019/TT-BGDĐT ngày 28/08/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số: 79/QĐ-THCSTĐN

An Thạnh, ngày 13 tháng 10 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của nhà trường  
theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, năm học 2021-2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng được qui định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch năm học 2021-2022 của nhà trường;

Theo đề nghị của Hội đồng liên tịch trường;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường THCS Trần Đại Nghĩa năm học 2021-2022 gồm các ông, bà có tên sau:

1	Bà Trần Thụy Hưng Hào	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Ông Thái Hữu Tuấn	CTCĐCS - Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Ông Nguyễn Văn Y	TB Thanh tra ND	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
5	Bà Nguyễn Tấn Tú Ngọc	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
6	Bà Lê Thị Kim Loan	Tổ trưởng tổ Văn phòng -KT	Thành viên
7	Ông Nguyễn Thành Vững	Tổ trưởng tổ Toán	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Tổ trưởng tổ Lý-Hóa - Sinh	Thành viên
9	Bà Vũ Phương Bình	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Thành viên
10	Ông Trịnh Văn Kiên	TT tổ TD-Nhạc-Họa-MT	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Thùy Liêm	Tổ trưởng tổ Văn	Thành viên

**Điều 2.** Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của trường THCS Trần Đại Nghĩa năm học 2021-2022 có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các quy định theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục





và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**Điều 3.** Các thành viên có tên ở điều 1 và các bộ phận có liên quan căn cứ quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 1;
- Niêm yết;
- Lưu VT.



**TRẦN THỤY HƯNG HẢO**

